

PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG GIẢM PHÁT THẢI CARBON - THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

PHẠM THỊ THÚY

Khoa Lý luận chính trị và pháp luật,
Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

Nhận bài ngày 22/8/2026. Sửa chữa xong 20/9/2026. Duyệt đăng 25/9/2026.

Abstract

As environmental pollution and carbon emissions become increasingly serious global threats, reducing greenhouse gas emissions is a major priority for many countries, including Vietnam. Intellectual property (IP) serves as an important instrument for promoting green technology development and facilitating the transfer of emission-reduction solutions. This article analyzes Vietnam's current intellectual property laws relating to carbon emission reduction and identifies relevant limitations. It then proposes recommendations for improving the legal framework, encouraging the development, transfer, and application of green technologies, and contributing to environmental sustainability.

Keywords: Carbon emission reduction, intellectual property, legal framework, solutions.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh ô nhiễm không khí và biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, giảm phát thải carbon trở thành mục tiêu cấp bách toàn cầu. Khoảng 80% năng lượng nhân tạo đến từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch, gây ra lượng lớn khí nhà kính. Nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào giữa thế kỷ, thể hiện qua các chiến lược phát triển kinh tế xanh như Chiến lược tăng trưởng xanh 2021-2030. Trong tiến trình này, pháp luật sở hữu trí tuệ (SHTT) đóng vai trò quan trọng không chỉ trong việc bảo hộ sáng chế mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao và ứng dụng công nghệ xanh. SHTT góp phần tạo động lực tài chính, thu hút đầu tư, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh và hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Pháp luật SHTT hiện hành đã và đang đóng góp đáng kể vào việc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa sang công nghệ xanh. Bằng cách bảo hộ các sáng chế và đổi mới trong lĩnh vực này, SHTT đã tạo ra động lực mạnh mẽ cho việc phát triển và ứng dụng các giải pháp giảm phát thải carbon, từ đó góp phần trực tiếp vào nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Tuy nhiên, để hành lang pháp lý này thực sự trở nên kiên cố và hiệu quả hơn nữa, phát huy tối đa vai trò trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu, việc nhìn nhận và đánh giá toàn diện là không thể thiếu. Tuy nhiên, để pháp luật SHTT phát huy tối đa vai trò cần đánh giá toàn diện và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm hỗ trợ hiệu quả việc giảm phát thải carbon tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Pháp luật sở hữu trí tuệ trong việc giảm phát thải carbon

Ở Việt Nam, thẩm quyền của Luật Sở hữu trí tuệ liên quan đến giảm phát thải carbon không được quy định trực tiếp trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (Quốc hội, 2005). Thay vào đó, vấn đề giảm phát thải carbon chủ yếu thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật môi trường, đặc biệt là Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 cùng các văn bản hướng dẫn liên quan. Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 là khung pháp lý chính điều chỉnh hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm cả cơ chế thị trường carbon và tín hiệu

Email: Ptthuy@uneti.edu.vn

carbon. Khoản 35 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 định nghĩa “tín chỉ carbon” là bằng chứng có thể giao dịch thương mại, có thể hiện quyền phát một tấn CO₂ hoặc tương thích. Điều 91 và Điều 139 quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường carbon (Quốc hội, 2020).

Bên cạnh Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 còn có Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định chi tiết về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ôzôn và tổ chức thị trường carbon; trong nghị định này có xác định các cơ quan có thẩm quyền quản lý như Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời đặt ra tiến trình phát triển thị trường carbon (thí điểm từ năm 2025, chính thức từ năm 2028) (Chính phủ, 2022).

Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ban hành ngày 18/01/2022 đã xác định danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê, làm cơ sở để tham gia thị trường carbon. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành danh mục này, giao Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 15/11/2022 để hướng dẫn kỹ thuật đo lường, báo cáo và thẩm định giảm phát thải khí nhà kính nằm trong thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2022).

2.2. Chủ thể của pháp luật sở hữu trí tuệ trong giảm phát thải cacbon

Chủ thể của pháp luật SHTT trong giảm phát thải carbon bao gồm các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có vai trò trong việc sáng tạo, bảo hộ và thực thi quyền SHTT đối với các công nghệ xanh. Trong đó, các nhà sáng chế và tổ chức nghiên cứu đóng vai trò trung tâm trong việc tạo ra sáng chế phục vụ mục tiêu giảm phát thải, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, xử lý chất thải và tiết kiệm năng lượng. Doanh nghiệp là chủ thể vừa sở hữu vừa khai thác thương mại các sáng chế xanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Nhà nước giữ vai trò điều phối và thực thi thông qua Cục Sở hữu trí tuệ (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) và các cơ quan thực thi như thanh tra, tòa án, quản lý thị trường. Từ năm 2018 đến 2023, số lượng đơn đăng ký sáng chế xanh và văn bằng bảo hộ tại Việt Nam có xu hướng tăng, điều đó cho thấy sự quan tâm ngày càng lớn từ các chủ thể trong hệ thống pháp luật SHTT hướng tới mục tiêu giảm phát thải carbon. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả pháp luật cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, rút ngắn thời gian thẩm định, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao năng lực thực thi quyền SHTT trong lĩnh vực công nghệ xanh.

2.3. Thực trạng pháp luật sở hữu trí tuệ trong việc giảm phát thải carbon

2.3.1. Về nhà sáng chế, tác giả sáng tạo

Pháp luật Việt Nam quy định rõ quyền SHTT của cá nhân và doanh nghiệp, đặc biệt trong việc đăng ký và khai thác sáng chế (Điều 86, 89, 116 Luật Sở hữu trí tuệ) (Quốc hội, 2005). Doanh nghiệp có quyền sở hữu các sáng chế do người lao động tạo ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng thời được khai thác, chuyển giao nhằm tạo giá trị kinh tế. Luật cũng ghi nhận vai trò của tài sản trí tuệ trong phát triển công nghệ xanh và giảm phát thải carbon, góp phần thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng trống pháp lý trong cơ chế phân chia lợi ích giữa cá nhân sáng chế và tổ chức.

2.3.2. Quyền sử dụng và khai thác tài sản trí tuệ

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam (Điều 123, 141, 144) và Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Điều 35, 110) cho phép chủ SHTT sử dụng, chuyển nhượng, cấp phép, làm vốn góp, thúc đẩy thương mại hóa công nghệ xanh; Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Điều 139, 142) và Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 (Điều 9, 19) khuyến khích phát triển, chuyển giao công nghệ giảm phát thải nhưng thiếu quy định cụ thể về bảo hộ và thương mại hóa quyền SHTT. Hệ thống pháp luật Việt Nam thiếu cơ chế phối hợp giữa Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Bảo vệ môi trường, không có quy định đặc thù cho sáng chế xanh, dẫn đến khó khăn trong bảo hộ và thương mại hóa. Sự thiếu liên thông giữa Cục Sở hữu trí tuệ và Tổng cục Môi trường gây lãng phí nguồn lực, giảm động lực đầu tư vào công nghệ xanh, cản trở mục tiêu phát triển bền vững và giảm phát thải.

2.4. Thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ trong giảm phát thải carbon

Trong bối cảnh toàn cầu đẩy mạnh chuyển đổi xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu, thực tiễn thi

hành pháp luật SHTT liên quan đến giảm phát thải carbon tại Việt Nam những năm gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt trong việc bảo hộ sáng chế công nghệ xanh. Theo thống kê từ Cục Sở hữu trí tuệ, giai đoạn 2019-2024, số lượng đơn đăng ký sáng chế của người Việt Nam tăng trung bình hơn 12% mỗi năm. Riêng năm 2023, có 1.585 đơn đăng ký sáng chế được nộp, trong đó phần lớn liên quan đến các giải pháp công nghệ xanh như năng lượng tái tạo, xử lý chất thải và tiết kiệm năng lượng. Số văn bằng bảo hộ sáng chế được cấp trong năm 2023 đã tăng gấp đôi so với năm 2022, cho thấy sự quan tâm ngày càng cao đối với việc bảo vệ quyền SHTT trong lĩnh vực công nghệ giảm phát thải. Tuy nhiên, một thách thức quan trọng là nhận thức còn hạn chế của nhiều bên liên quan. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa tận dụng hiệu quả công cụ SHTT để bảo vệ và thương mại hóa các giải pháp công nghệ xanh. Theo Cục Sở hữu trí tuệ, tính đến năm 2021, chỉ có khoảng 5.068 đơn đăng ký giải pháp hữu ích do các tổ chức trong nước nộp, trong đó đơn liên quan đến công nghệ xanh chiếm dưới 10%. Khi mức chi phí đăng ký sáng chế trung bình dao động từ 10-20 triệu đồng, cộng với thời gian xét duyệt kéo dài từ 2-3 năm trở thành rào cản lớn đối với các doanh nghiệp nhỏ. Bên cạnh đó, các hành vi xâm phạm quyền SHTT như sao chép hoặc sử dụng trái phép sáng chế trong lĩnh vực công nghệ xanh vẫn diễn ra nhưng chưa được xử lý hiệu quả. Theo quy định tại Nghị định 99/2013/NĐ-CP, mức xử phạt tối đa đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp là 250 triệu đồng, được đánh giá là chưa đủ sức răn đe. Hơn nữa sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan thực thi như tòa án, hải quan và thanh tra càng làm giảm hiệu quả bảo vệ quyền SHTT.

2.5. Một số hạn chế, bất cập trong việc thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ trong giảm phát thải carbon

2.5.1. Với chủ thể của pháp luật sở hữu trí tuệ trong giảm phát thải carbon

Hoạt động thực thi quyền SHTT trong công nghệ xanh còn nhiều hạn chế do hệ thống quản lý phân tán và nhận thức bảo vệ quyền chưa cao, gây ra tranh chấp và vi phạm. Các tập đoàn lớn tập trung nhiều sáng chế, gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ tiếp cận công nghệ và làm giảm cạnh tranh đổi mới sáng tạo, ảnh hưởng đến chuyển đổi nền kinh tế carbon thấp. Liên kết giữa Luật Sở hữu trí tuệ và thị trường tín chỉ carbon còn yếu kém, chưa có quy định rõ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ liên quan. Do đó, cần hoàn thiện chính sách, nâng cao nhận thức và tăng cường phối hợp để bảo vệ quyền SHTT hiệu quả, thúc đẩy phát triển bền vững và giảm phát thải carbon.

2.5.2. Với đối tượng của pháp luật sở hữu trí tuệ trong giảm phát thải carbon

Luật Sở hữu trí tuệ hiện nay chưa có quy định chuyên biệt về bảo hộ sáng chế công nghệ xanh như năng lượng tái tạo hay hấp thụ carbon mà vẫn áp dụng các tiêu chí chung không ưu tiên cho giải pháp môi trường. Việt Nam cũng chưa triển khai cơ chế thẩm định nhanh (fast-track) cho sáng chế xanh, khiến thời gian cấp bằng kéo dài, làm giảm động lực đầu tư nghiên cứu và áp dụng công nghệ giảm phát thải. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc bảo vệ sáng chế, dễ dẫn đến sao chép trái phép và chậm trễ trong việc đưa công nghệ xanh vào thực tiễn.

2.5.3. Với điều kiện thực thi của pháp luật sở hữu trí tuệ trong giảm phát thải carbon

Việc bảo hộ quyền SHTT nghiêm ngặt đôi khi trở thành rào cản chia sẻ tri thức và hợp tác nghiên cứu, đặc biệt trong phát triển công nghệ carbon thấp, gây khó tiếp cận công nghệ ở các nước đang phát triển. Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành chưa khuyến khích mạnh mẽ chuyển giao công nghệ xanh khi thiếu các chính sách ưu đãi về tài chính và quy trình cấp phép còn khá phức tạp. Hơn nữa, chi phí bảo vệ và giải quyết tranh chấp quyền SHTT cao cũng làm tiêu hao nguồn lực dành cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, nhất là với các doanh nghiệp nhỏ hoặc tổ chức phi lợi nhuận. Tranh chấp pháp lý kéo dài còn cản trở việc thương mại hóa công nghệ xanh. Bên cạnh đó, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực SHTT còn chưa đồng bộ, khi chậm nội luật hóa các cam kết quốc tế và thiếu chính sách ưu tiên thẩm định sáng chế xanh như các nước phát triển. Đồng thời, sự phối hợp chưa chặt chẽ với các tổ chức quốc tế cũng làm giảm khả năng tiếp cận nguồn lực tài chính và cơ hội đầu tư từ bên ngoài vào lĩnh vực công nghệ xanh.

2.6. Một số giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ trong giảm phát thải carbon

2.6.1. Hoàn thiện pháp luật đối với chủ thể pháp luật sở hữu trí tuệ trong việc giảm phát thải carbon

a. *Bổ sung pháp luật để công nhận chủ thể sở hữu trí tuệ xanh như một nhóm đặc thù*: Hiện nay, pháp luật SHTT chưa có định nghĩa hoặc quy định riêng nào đối với “chủ thể SHTT xanh”. Để thúc đẩy vai trò của các tổ chức, cá nhân sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ vì mục tiêu phát triển bền vững và giảm phát thải carbon. Vì vậy, cần sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (hoặc các văn bản dưới luật) để bổ sung quy định công nhận chủ thể sáng tạo và sở hữu tài sản trí tuệ xanh.

b. *Ghi nhận hình thức “sở hữu tập thể” hoặc “đồng sở hữu sáng kiến xanh”*: Để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo phục vụ giảm phát thải carbon, các mô hình hợp tác giữa doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học - tổ chức xã hội - startup công nghệ xanh ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành còn thiếu cơ chế pháp lý rõ ràng về SHTT phát sinh từ hoạt động đồng sáng tạo, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ môi trường

c. *Ban hành nghị định hướng dẫn về đồng sở hữu tài sản trí tuệ trong sáng kiến xanh*: Cần xây dựng một Nghị định hoặc Thông tư liên tịch (giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư pháp) nhằm hướng dẫn mẫu hợp đồng đồng sở hữu sáng chế xanh, quy định rõ: cơ chế đồng khai thác (joint licensing); phân chia doanh thu từ việc thương mại hóa; quyền ưu tiên sử dụng nội bộ; giải quyết tranh chấp về quyền ưu tiên sử dụng hoặc từ chối cấp phép cho bên thứ ba.

2.6.2. Hoàn thiện pháp luật đối với đối tượng pháp luật sở hữu trí tuệ trong việc giảm phát thải carbon

a. *Bổ sung cơ chế nhận diện và phân loại đối tượng SHTT xanh trong các văn bản pháp luật*: Hiện nay, Việt Nam chưa có hệ thống pháp lý ghi nhận hoặc định danh “tài sản SHTT xanh”, khiến cho các đối tượng sáng tạo liên quan đến giảm phát thải carbon bị đánh giá, thẩm định theo tiêu chuẩn thông thường. Việc bổ sung cơ chế phân loại có thể triển khai theo các bước: ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, truyền thông và Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhằm đưa ra tiêu chí nhận diện tài sản trí tuệ xanh, phân loại theo các lĩnh vực; sửa đổi Thông tư 23/2023/TT-BKHCHN hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ để: Yêu cầu chủ đơn xác nhận sáng kiến có liên quan đến mục tiêu môi trường tại thời điểm nộp đơn. và cho phép ghi chú mã “Xanh” trong hồ sơ sở hữu trí tuệ để phục vụ ưu tiên xử lý, tra cứu chuyên biệt....(Bộ Khoa học và Công nghệ, 2023).

b. *Mở rộng phạm vi bảo hộ đối với một số dạng sáng kiến, thiết kế phục vụ giảm phát thải carbon*: Cần sửa đổi Điều 59 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 để cho phép bảo hộ các phần mềm phục vụ mục tiêu đo lường, giám sát, tối ưu hóa hiệu quả phát thải carbon dưới dạng sáng chế nếu phần mềm thể hiện hiệu ứng kỹ thuật cụ thể...; Cần bổ sung quy định mới trong Nghị định 65/2023/NĐ-CP về bảo hộ mô hình sản xuất hoặc chuỗi giá trị xanh nếu thể hiện rõ phương pháp kỹ thuật, tính đổi mới, và khả năng ứng dụng quy mô. Bảo hộ thiết kế tổng thể các hệ sinh thái công nghệ xanh dưới dạng kiểu dáng tổng hợp hoặc mô hình thực tế có yếu tố kỹ thuật (Chính phủ, 2023).

2.6.3. Hoàn thiện pháp luật đối với điều kiện pháp luật sở hữu trí tuệ về giảm phát thải carbon

a. *Bổ sung tiêu chí nhận diện tài sản SHTT xanh trong văn bản pháp luật cụ thể*: Cần sửa đổi hoặc bổ sung hướng dẫn trong Nghị định 65/2023/NĐ-CP và Thông tư 23/2023/TT-BKHCHN để đưa ra tiêu chí đánh giá tài sản trí tuệ có đóng góp cho: Giảm phát thải khí nhà kính; tiết kiệm năng lượng; tăng hiệu suất sử dụng nguyên liệu; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Việc phân loại rõ tài sản SHTT xanh sẽ tạo cơ sở để áp dụng cơ chế bảo hộ nhanh, hỗ trợ tài chính và ưu đãi khác.

b. *Xây dựng cơ chế ngoại lệ về tính mới có điều kiện cho sáng kiến phục vụ mục tiêu khí hậu*: Cần xem xét sửa đổi khoản 3 Điều 60 Luật Sở hữu trí tuệ, bổ sung quy định: “Sáng chế hoặc kiểu dáng được công bố trong khuôn khổ hội nghị khoa học môi trường hoặc hoạt động cộng đồng vì mục tiêu giảm phát thải trong vòng 6 tháng không bị coi là mất tính mới”. Áp dụng linh hoạt các nguyên tắc tương tự như quy định trong Điều 55 Công ước châu Âu về sáng chế (EPC), vốn cho phép ngoại lệ đối với một số công bố thiện chí phục vụ lợi ích cộng đồng.

c. *Mở rộng phạm vi bảo hộ sáng chế đối với công nghệ phần mềm xanh*: Cần đề xuất bổ sung hướng dẫn cụ thể trong thông tư kỹ thuật rằng các giải pháp kỹ thuật dưới dạng phần mềm hoặc thuật toán có đóng góp đo đạc, điều khiển hoặc tối ưu hóa hiệu quả môi trường có thể được bảo hộ nếu có hiệu ứng kỹ thuật rõ ràng.

3. Kết luận

Mặc dù pháp luật về SHTT trong lĩnh vực giảm phát thải cacbon còn khá mới tại Việt Nam, song vai trò của nó ngày càng được khẳng định trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, tuần hoàn và phát thải thấp. Có thể thấy SHTT không chỉ là công cụ pháp lý bảo vệ quyền lợi cho chủ thể sáng tạo mà nó còn là đòn bẩy thúc đẩy quá trình nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ xanh. Tuy nhiên, do đây là lĩnh vực còn tương đối mới, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn chưa có quy định riêng hay chính sách ưu tiên cụ thể cho các sáng chế xanh. Điều này dẫn đến việc số lượng đơn đăng ký sáng chế trong lĩnh vực môi trường tại Việt Nam vẫn còn thấp so với tiềm năng. Trong bối cảnh đó, việc hoàn thiện khung pháp luật về SHTT theo hướng hỗ trợ tích cực cho các sáng kiến giảm phát thải carbon không chỉ đơn thuần là cải cách kỹ thuật mà còn là một định hướng chiến lược gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Để thực hiện điều này cần thiết phải thiết lập một hệ thống chính sách đồng bộ: từ ưu tiên thẩm định sáng chế xanh, ban hành tiêu chí xác định sáng chế thân thiện với môi trường đến hỗ trợ tài chính cho việc đăng ký, bảo hộ và khai thác thương mại. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ sáng chế công nghệ sạch (green technology patents) và đào tạo nhân lực chuyên sâu cũng là hướng đi cần thiết.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). *Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT, ngày 15/11/2022 Quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải.*
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2023). *Thông tư số 23/2023/TT-BKHHCN, ngày 30/11/2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp.*
- Chính phủ (2022). *Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.*
- Chính phủ (2023). *Nghị định số 65/2023/NĐ-CP, ngày 23/8/2023 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.*
- Quốc hội (2005). *Luật Sở hữu trí tuệ. Luật số 50/2005/QH11, ngày 29/11/2005.*
- Quốc hội (2020). *Luật Bảo vệ môi trường. Luật số 72/2020/QH14, ngày 11/07/2020.*
- Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 về ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.*